



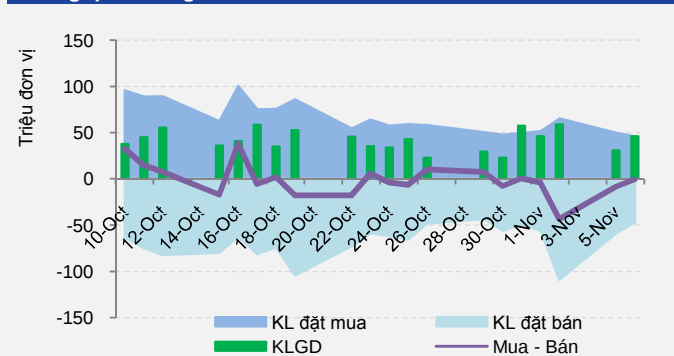
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 6/11/2012

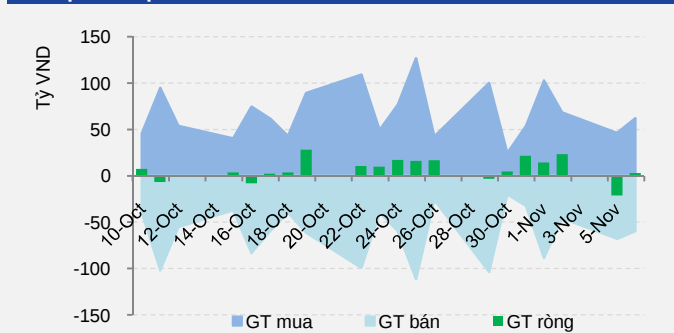
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	377.0	50.7
% Thay đổi	↓ -0.1%	↓ -0.2%
KLGD (CP)	46,225,973	26,411,371
GTGD (tỷ đồng)	635.27	155.16
Tổng cung (CP)	46,810,540	42,765,600
Tổng cầu (CP)	46,135,360	40,789,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	2,491,870	47,510
KL mua (CP)	2,508,480	294,900
GTmua (tỷ đồng)	62.28	3.42
GT bán (tỷ đồng)	59.41	0.45
GT ròng (tỷ đồng)	2.87	2.97

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.01%	7.9	1.3	0.9%
Công nghiệp	↓ -0.06%	10.1	0.7	6.7%
Dầu khí	↓ -0.30%	4.5	0.9	1.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.07%	9.2	1.1	0.5%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.43%	6.5	1.9	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.71%	12.9	3.9	10.7%
Ngân hàng	↓ -0.70%	4.4	1.2	54.0%
Nguyên vật liệu	↑ 0.01%	5.7	2.0	10.2%
Tài chính	↓ -0.59%	25.2	3.0	13.1%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.25%	11.8	2.5	2.0%
VN - Index	↓ -0.08%	10.0	2.5	80.5%
HNX - Index	↓ -0.18%	8.2	1.4	19.5%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	112,850	0.2%	9,979,006	21.6%
GTGD (triệu VND)	1,017	0.2%	3,044	0.5%

CHỊU TÁC ĐỘNG CỦA MỘT SỐ CỔ PHIẾU VỐN HÓA - THỊ TRƯỜNG PHỤC HỒI NHẸ CUỐI PHIÊN

Thị trường dự báo tăng nhẹ đầu phiên giao dịch ngày mai. Dự kiến sau đó tiếp tục giảm điểm trước động lực thị trường yếu.

Diễn biến thị trường:

- Thị trường dao động hẹp với thanh khoản thấp trong phần lớn thời gian giao dịch.

- Hai chỉ số phục hồi nhẹ cuối phiên nhờ tác động của một số cổ phiếu vốn hóa.

- Dòng tiền tập trung vào một số cổ phiếu bluechips thuộc ngành dầu khí, tài chính. Còn lại lượng cổ phiếu giảm điểm/giữ giá tham chiếu vẫn chiếm đa số.

Nhận định:

Thị trường dao động hẹp với thanh khoản thấp trong phần lớn phiên giao dịch. Thị trường phục hồi nhẹ với diễn biến giao dịch sôi động hơn về cuối phiên, nhờ đà tăng của một số cổ phiếu vốn hóa (GAS, MSN, VNM, PVX, PVA). Còn lại đa số cổ phiếu biến động giá không đáng kể với thanh khoản thấp.

Xét chi tiết về yếu tố dòng tiền, nhóm cổ phiếu Bluechips diễn biến tích cực hơn thị trường chung, khi nhà đầu tư có xu hướng quan tâm đến yếu tố cơ bản. Chúng tôi đã tiến hành tính toán mức độ biến động giá cổ phiếu, tính từ mốc đỉnh gần nhất ngày 16/10. Theo đó, nhóm cổ phiếu giảm giá mạnh nhất là nhóm cổ phiếu thị giá thấp, thuộc nhóm ngành dịch vụ tài chính, BĐS, xây dựng, VLXD (khoảng 20-30%), giảm mạnh hơn nhiều mức giảm chung của thị trường trong thời gian này (5.5% đối với VN-Index; 9.8% đối với HNX-Index).

Theo quan điểm kỹ thuật, hai chỉ số Index đã phục hồi nhẹ vào cuối phiên, tiến sát đường biên dưới của dải Bollinger Bands. Xét chi tiết trong phiên giao dịch, chỉ số VN-Index đã giảm điểm trở lại khi tiến đến ngưỡng cản kỹ thuật 378 điểm. Tuy nhiên diễn biến giao dịch phụ thuộc nhóm cổ phiếu vốn hóa chưa phản ánh nhiều về áp lực cung.

Với diễn biến phục hồi nhẹ cuối phiên, thị trường có thể tăng nhẹ đầu phiên giao dịch ngày mai. Tuy nhiên, chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng giảm của thị trường, khi thực tế giao dịch vẫn cho tín hiệu động lực thị trường yếu.



Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Xu hướng dài hạn
Giảm	Tăng	Tăng
Hỗ trợ 1	Hỗ trợ 2	Hỗ trợ 3
378	360	
Kháng cự 1	Kháng cự 2	Kháng cự 3
400		



Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Xu hướng dài hạn
Giảm	Giảm	Giảm
Hỗ trợ 1	Hỗ trợ 2	Hỗ trợ 3
53.8	52	
Kháng cự 1	Kháng cự 2	Kháng cự 3
56	59	

VN-INDEX

- Chỉ số VN-Index phục hồi nhẹ về cuối phiên, tiến sát đường biên dưới của dải Bollinger Bands.
- Xét chi tiết trong phiên, chỉ số VN-Index giảm nhẹ khi tăng đến ngưỡng cản 378 điểm. Tuy nhiên, biến động của thị trường chịu tác động của một số cổ phiếu vốn hóa lớn, không phản ánh sát thị trường chung.
- Thị trường dự báo tăng điểm nhẹ đầu phiên ngày mai nhưng sau đó sẽ tiếp tục giảm điểm.
- Mức hỗ trợ cho chỉ số VN-Index là khu vực 350 điểm.

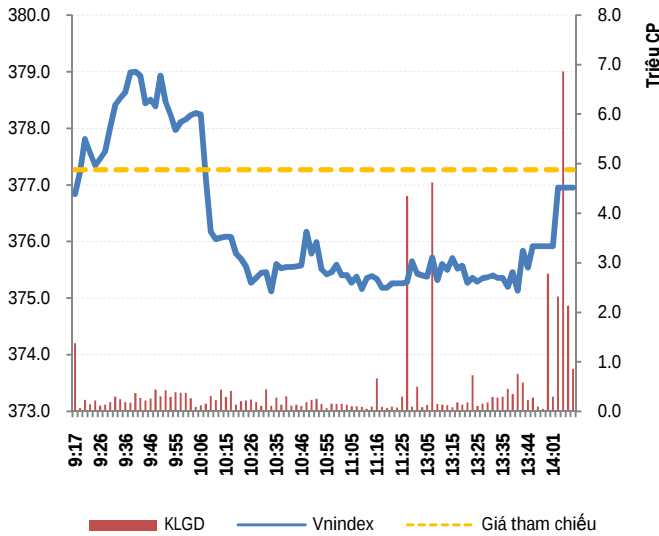
HNX-INDEX

- Chỉ số HNX-Index phục hồi nhẹ về cuối phiên, tiến sát đường biên dưới của dải Bollinger Bands.
- Chỉ số HNX-Index có thể tiếp tục tăng nhẹ đầu phiên ngày mai, nhưng sau đó sẽ tiếp tục giảm điểm.
- Mức hỗ trợ cho chỉ số HNX-Index là khu vực 45-46 điểm.

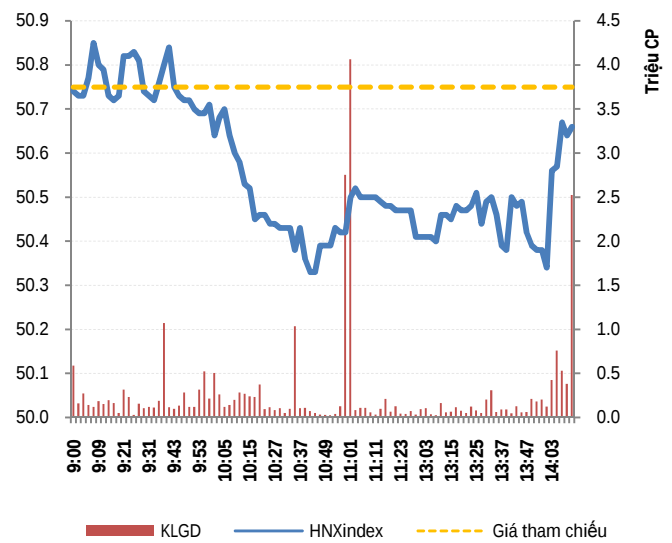


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

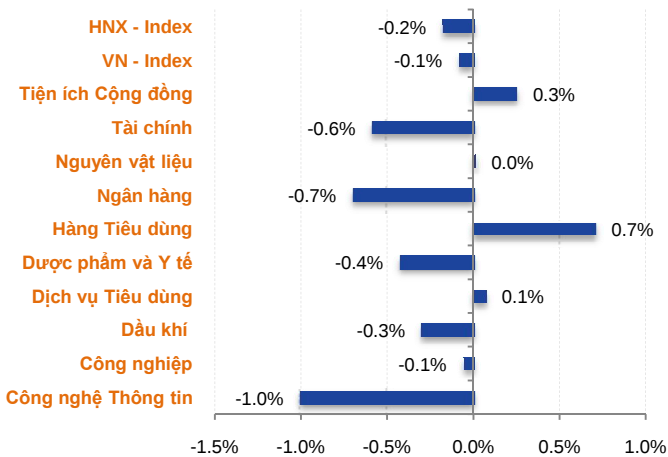
KLGD và VN-Index trong phiên



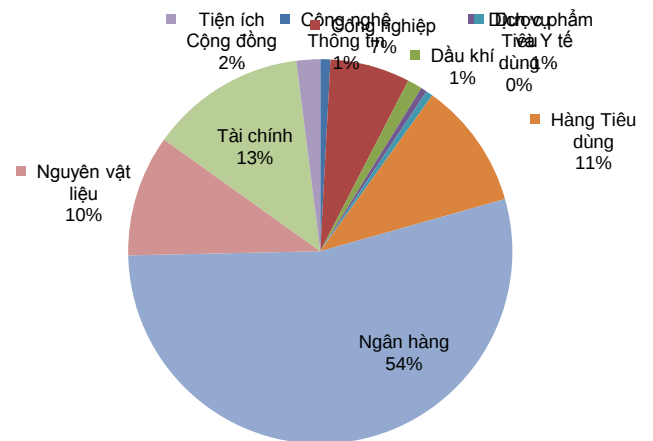
KLGD và HNX-Index trong phiên



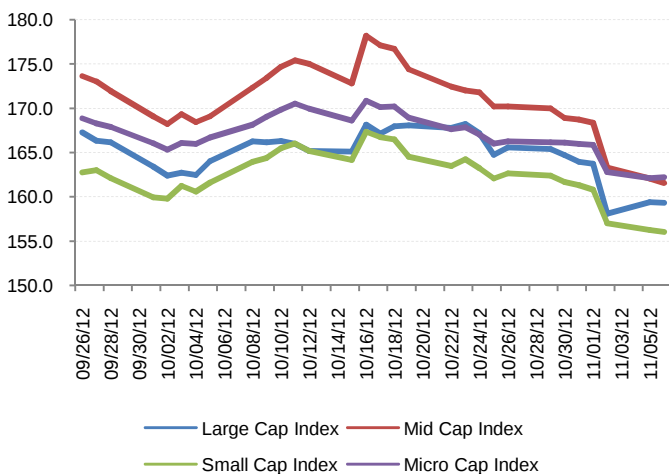
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



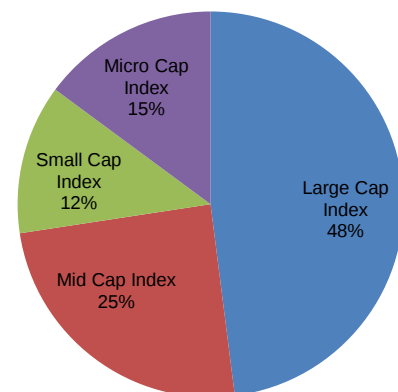
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ

Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HSG	290,000	STB	550,100
2	VSH	252,510	VCB	104,360
3	DRC	138,160	SJS	63,840
4	DPM	134,850	MBB	50,000
5	SBT	75,820	PVF	47,580

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VNR	69,200	PVX	10,000
2	LAS	56,700	PVS	9,900
3	VKC	46,000	SHB	7,700
4	PVL	15,000	PGS	6,600
5	SHS	15,000	PVA	4,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
EIB	14.8	14.8	→ 0.00%	21,640,111
ITA	3.8	3.8	→ 0.00%	2,616,540
HSG	17.2	17.4	↑ 1.16%	1,135,510
SBT	16.1	15.5	↓ -3.73%	1,081,090
SSI	15.1	15.0	↓ -0.66%	966,340

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVB	6.8	6.9	↑ 1.47%	6,089,600
SHB	4.9	4.8	↓ -2.04%	5,072,452
SCR	4.8	4.5	↓ -6.25%	1,910,012
VND	7.8	7.8	→ 0.00%	1,710,300
PVX	4.0	4.2	↑ 5.00%	1,492,146

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSG	0.9	1.0	0.1	↑ 11.11%
PPI	4.0	4.2	0.2	↑ 5.00%
VNL	12.0	12.6	0.6	↑ 5.00%
SEC	20.3	21.3	1.0	↑ 4.93%
DHM	16.4	17.2	0.8	↑ 4.88%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
THV	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
PVA	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
VC2	8.6	9.2	0.6	↑ 6.98%
HTB	38.8	41.5	2.7	↑ 6.96%
PDC	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	1.1	1.0	-0.1	↓ -9.09%
AGF	22.4	21.3	-1.1	↓ -4.91%
VFG	40.9	38.9	-2.0	↓ -4.89%
BT6	6.2	5.9	-0.3	↓ -4.84%
PTL	2.1	2.0	-0.1	↓ -4.76%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSG	1.0	0.9	-0.1	↓ -10.00%
SDJ	1.3	1.2	-0.1	↓ -7.69%
VCM	10.0	9.3	-0.7	↓ -7.00%
ARM	17.6	16.4	-1.2	↓ -6.82%
VC1	16.2	15.1	-1.1	↓ -6.79%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	21,640,111	20.5%	2,580	5.7	1.2
ITA	2,616,540	1.2%	161	23.6	0.3
HSG	1,135,510	17.0%	3,306	5.3	0.9
SBT	1,081,090	25.1%	3,386	4.6	1.3
SSI	966,340	8.6%	1,246	12.0	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVB	6,089,600	5.4%	591	11.7	0.6
SHB	5,072,452	15.3%	1,622	3.0	0.4
SCR	1,910,012	4.0%	649	6.9	0.2
VND	1,710,300	-0.2%	(22)	-	0.7
PVX	1,492,146	-8.3%	(981)	-	0.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VSG	↑ 11.1%	-300.9%	(4,555)	(0.2)	(16.5)
PPI	↑ 5.0%	0.0%	(5)	(873.0)	0.2
VNL	↑ 5.0%	20.1%	2,885	4.4	0.9
SEC	↑ 4.9%	24.6%	3,590	5.9	1.4
DHM	↑ 4.9%	1.9%	764	22.5	1.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
THV	↑ 12.5%	-109.7%	(6,555)	(0.1)	0.3
PVA	↑ 7.0%	2.7%	327	14.1	0.4
VC2	↑ 7.0%	7.3%	1,750	5.3	0.4
HTB	↑ 7.0%	1.4%	148	281.3	3.8
PDC	↑ 6.9%	4.0%	325	9.5	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HSG	290,000	17.0%	3,306	5.3	0.9
VSH	252,510	11.2%	1,372	7.9	0.9
DRC	138,160	28.5%	3,999	6.2	1.6
DPM	134,850	38.3%	8,850	3.9	1.5
SBT	75,820	25.1%	3,386	4.6	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VNR	69,200	13.2%	4,541	3.1	0.6
LAS	56,700	37.2%	5,845	4.8	1.6
VKC	46,000	9.7%	1,220	3.6	0.3
PVL	15,000	-4.6%	(502)	-	0.2
SHS	15,000	-3.7%	(276)	-	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	73,905	26.0%	4,692	8.3	2.9
VNM	70,572	38.6%	9,380	13.5	5.0
MSN	63,917	13.4%	3,619	25.7	4.2
VIC	54,636	22.0%	2,769	28.2	5.6
VCB	48,666	11.6%	1,885	11.1	1.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	13,784	18.5%	2,603	5.6	1.1
SQC	8,756	12.0%	1,388	57.3	6.5
PVS	4,259	24.9%	4,752	3.0	0.7
SHB	4,253	15.3%	1,622	3.0	0.4
PVI	3,465	8.2%	2,097	7.3	0.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PTC	2.42	-6.7%	(1,655)	-	0.2
LCM	2.41	33.3%	4,965	3.3	1.2
DXG	2.37	3.9%	525	16.0	0.6
ASM	2.23	7.1%	1,211	6.3	0.4
OGC	2.18	4.3%	487	15.8	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDH	2.45	-10.5%	(1,107)	-	0.3
FLC	2.22	3.6%	790	7.1	0.4
PVA	2.22	2.7%	327	14.1	0.4
PVL	2.15	-4.6%	(502)	-	0.2
UNI	2.15	-1.4%	(156)	-	0.6



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)